TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1026/2024/HS-PT
Ngày: 31 - 10 - 2024

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần là Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 461/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo Trương Quang Anh Đ và Trần Nguyễn Duy P. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2024/HS-ST ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Bị cáo bị kháng nghị:

1/ **Trương Quang Anh Đ**, sinh năm 2000 tại Kiên Giang; nơi cư trú: số F, tổ F, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: làm thuê. Con ông Trương Quang D và bà Vũ Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2022 (có mặt).

2/ **Trần Nguyễn Duy P**, sinh năm 1988 tại Cần Thơ; nơi cư trú: số B, đường C, khu V, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: số A, khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không;

tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2022 (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Quang Anh Đ*: Luật sư Lý Mỹ Ý, Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Nguyễn Duy P*: Luật sư Nguyễn Văn L1 – Công ty L2, Đoàn Luật sư thành phố C (có mặt).

- *Bị hại*:

1. Công ty T7;

Địa chỉ: Tầng H, 9, 10 Tòa nhà G, số B P, phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Ông Phan Hoàng C, sinh năm 1986 (có mặt).

2. Công ty T7;

Địa chỉ: số I P, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Long H, sinh năm 1986 (có mặt).

3. Công ty T7;

Địa chỉ: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà Phụ nữ, số B N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1974 (xin vắng mặt).

4. Công ty T7 (Gọi tắt T7).

Địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà R, số I Đ, phường A, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Thanh K, sinh năm 1986 (có mặt).

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1/ Ông Huỳnh Thanh N, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2/ Ông Trần Thanh K1, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: số A, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3/ Bà Đoàn Khánh T1, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: số I, khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

4/ Bà Mai Linh P1, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: số A, ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

5/ Bà Lâm Nguyễn N1, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: số B đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

6/ Bà Nguyễn Thị Tuyết T2, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

7/ Bà Nguyễn Trúc P2, sinh năm 1994 (có mặt).Địa chỉ: số D đường V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

8/ Ông Lê Dương Anh K2, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: số A đường B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

9/ Ông Nguyễn Dương Đ2, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: số A đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

10/ Bà Nguyễn Thị Hoài T3, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: số A hẻm A đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

11/ Ông Lâm Hoài B, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

12/ Bà Đỗ Tuyết M2, sinh năm 2001 (có mặt).

Địa chỉ: ấp E, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

13/ Ông Kim Hoàng V, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: số C đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

14/ Ông Dương Quốc K3, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: số E, đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

15/ Ông Võ Văn T4, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: số G đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

16/ Ông Lê Hà G, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: số A đường C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ

- *Người tham gia tố tụng khác:* Ông Phạm Công T5 - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ là người hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Quang Anh Đ không có nghề nghiệp ổn định nhưng vì mong muốn có được tiền để tiêu xài, Đ tìm hiểu cách thức mua hàng thông qua hình thức vay trả góp tại các Công ty tài chính có điều kiện tương đối dễ dàng, ít ràng buộc và nhất là những khách hàng chưa từng vay tiền hoặc đã vay tiền nhưng chưa bị nợ xấu thì sẽ dễ dàng được duyệt hồ sơ khi vay. Từ đó, Đ ra sức tìm kiếm đối tượng khách hàng là sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, người đã ra trường và người lao động tự do trên địa bàn quận N, thành phố Cần Thơ để kết bạn thông qua các trang mạng xã hội Zalo, Facebook và tạo lòng tin với họ bằng việc đưa ra các thông tin như: Đ là nhân viên Cửa hàng Thế giới di động, đang chạy doanh số cho cửa hàng, hàng tháng nếu không đạt doanh số bán hàng thì Đ phải tìm người đóng giả khách hàng mua sản phẩm dưới hình thức ký hợp đồng

vay tiền để mua sản phẩm trả góp, khách hàng khi nhận được sản phẩm thì giao cho Đ để trả lại cho cửa hàng và hợp đồng vay này sẽ tự hủy sau vài ngày. Đ trả thù lao cho mỗi khách hàng là 400.000 đồng, nếu giới thiệu bạn bè thì sẽ được trả thêm từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng/01 bộ hồ sơ đã được duyệt.

Hành vi của Đ được thực hiện làm 02 giai đoạn, giai đoạn Đ một mình thực hiện hành vi dẫn dắt khách hàng đến cửa hàng Thế giới di động ký hợp đồng mua sản phẩm trả góp để lấy sản phẩm đi bán nhằm chiếm đoạt tài sản của các Công ty tài chính và giai đoạn Đ cấu kết với Trần Nguyễn Duy P dẫn dắt khách hàng đến các cửa hàng bán sản phẩm điện tử để ký hợp đồng mua sản phẩm trả góp nhưng thực chất là vay để lấy tiền mặt, không nhận sản phẩm. Với các cách thức như trên, Đ đã một mình và cùng với Trần Nguyễn Duy P thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của 04 (bốn) Công ty tài chính gồm HD SaiSon, Fe C1, Mirae A và Home C2 với tổng số 363 hợp đồng với tổng số tiền 6.452.032.300 đồng (Trong đó: Đ một mình thực hiện chiếm đoạt tài sản của 03 Công ty Tài chính: FE Credit, H, Mirae Asset tổng số 154 hợp đồng với tổng số tiền 2.957.682.400 đồng; Đ cùng P thực hiện chiếm đoạt tài sản của 02 Công ty Tài chính: HD SaiSon, Mirae Asset tổng số 209 hợp đồng với tổng số tiền 3.494.349.900 đồng). Cụ thể như sau:

Khoảng từ tháng 01 đến tháng 7 năm 2021, sau khi kết bạn được với các khách hàng, nắm bắt được họ đã tin tưởng theo những thông tin mà mình đưa ra, Đ trực tiếp hẹn gặp các khách hàng, yêu cầu họ cung cấp: Họ tên, địa chỉ, số điện thoại, họ tên 2 người thân. Sau đó, Đ tự tạo thêm thông tin gồm: Số điện thoại khách hàng, số điện thoại của người thân, địa chỉ nơi làm việc, công việc, thời gian làm việc và mức lương của khách hàng. Đ kết hợp ghi thông tin thật và giả ra giấy hoặc ghi trên điện thoại để đưa hoặc gửi cho khách hàng, dẫn dắt họ đến cửa hàng T8 di động và dặn dò họ trả lời với nhân viên theo những nội dung mà Đ đã ghi ra. Kết quả đã được các Công ty tài chính duyệt 154 hồ sơ để mua các sản phẩm với tổng số tiền là 2.957.682.400 đồng (Trong đó: Công ty T7 duyệt 90 hồ sơ với tổng số tiền 1.704.806.000 đồng, Công ty T7 duyệt 35 hồ sơ với tổng số tiền 536.132.400 đồng (trong đó có 13 hợp đồng do Đ mượn mã Code của Dương Phú V1 chủ cửa hàng M3 để làm hợp đồng) và Công ty T7 duyệt 29 hồ sơ với tổng số tiền 716.744.000 đồng). Tất cả sản phẩm được khách hàng nhận từ cửa hàng đều giao lại cho Đ, Đ đem đi bán lấy tiền và đã sử dụng số tiền này để trả thù lao cho các khách hàng, góp một phần gốc và lãi cho các công ty tài chính, số còn lại thì chiếm đoạt, cụ thể đã chi trả và hưởng lợi như sau:

- Trả thù lao cho khách hàng và cửa hàng tổng số tiền: 107.350.000 đồng. Trong đó:

+ 90 khách hàng của Công ty T7: 45.950.000 đồng (đã thu hồi 35.950.000 đồng, có 8.850.000 đồng là tiền công môi giới);

+ 35 khách hàng của Công ty T7: 14.600.000 đồng (đã thu hồi 6.300.000 đồng, có 150.000 đồng là tiền công môi giới);

+ 29 khách hàng của Công ty T7: 11.700.000 đồng (đã thu hồi 36.750.000 đồng, có 1.450.000 đồng là tiền công môi giới và 12.000.000 đồng tiền bảo hiểm do người vay Nguyễn Thị Thanh H1 tự nguyện nộp và 20.000.000 đồng là tiền khách hàng Trịnh Thái H2 giúp Đ ký hợp đồng vay tiền mặt nên được chia).

+ Trả cho chủ cửa hàng M3 35.100.000 đồng (đã thu hồi 35.100.000 đồng).

- Đã góp gốc và lãi cho các Công ty tài chính tổng số tiền: 1.432.525.680 đồng. Trong đó:

+ Công ty T7: 1.057.559.293 đồng (Trong đó: Đ góp 1.006.009.963 đồng; khách hàng góp 51.549.330 đồng). Ngoài ra, đã tất toán 01 hợp đồng với số tiền 18.894.000 đồng.

+ Công ty T7: 254.553.021 đồng (Trong đó: Đ góp 208.983.717 đồng; khách hàng góp 30.803.336 đồng). Ngoài ra, đã tất toán 14 hợp đồng với tổng số tiền 217.931.350 đồng.

+ Công ty T7: 269.644.795 đồng (Trong đó: Đ góp 217.532.000 đồng; khách hàng góp 52.112.795 đồng). Ngoài ra, đã tất toán 12 hồ sơ với số tiền 251.622.000 đồng.

Đến đầu tháng 10 năm 2021, thông qua Nguyễn Nhật M chủ cửa hàng M4, Đ quen P và được cho biết P từng làm việc cho Công ty T7, có quen các nhân viên hiện đang làm việc cho công ty này cũng như quen biết nhiều cửa hàng mua bán sản phẩm điện tử trên địa bàn quận N, thành phố Cần Thơ. Theo P, hiện các Công ty tài chính đang thắt chặt việc cho vay nhưng đối với hai Công ty T7 và Mirae A thì P chắc chắn làm được và đảm bảo hồ sơ được duyệt. P chịu trách nhiệm làm thông tin giả cho khách hàng, cho người đóng giả khách hàng và người thân khách hàng để trả lời thẩm định, chọn cửa hàng để khách hàng được làm và ký hồ sơ. Riêng, Đ lo tìm khách hàng, lấy thông tin cá nhân khách hàng gửi cho P kiểm tra điều kiện vay tiền mua sản phẩm trả góp, nếu đủ điều kiện thì kêu Đ dẫn khách hàng đến cửa hàng để làm hợp đồng. Khi hợp đồng được duyệt thì đều phải được chuyển tiền qua tài khoản cá nhân của P, sau đó mới chia lại cho Đ theo thỏa thuận, Đ có trách nhiệm góp gốc và lãi 03 tháng liên tiếp để nhân viên Công ty T7 không bị đuổi việc và các cửa hàng bán sản phẩm điện tử không bị ngưng hợp tác với các Công ty tài chính. P chịu trách nhiệm trả thù lao cho nhóm nhân viên công ty tài chính, nhóm giả vai khách hàng và người thân khách hàng, nhóm chủ cửa hàng bán sản phẩm điện tử. Sau khi cả hai thống nhất thì thỏa thuận chia tiền như sau:

- Từ tháng 10 năm 2021 đến cuối tháng 12 năm 2021:

+ Khoản vay trên 20.000.000 đồng, P lấy 6.000.000 đồng/01 hợp đồng;

+ Khoản vay từ 15.000.000 đến 20.000.000 đồng, P lấy 4.800.000 đồng/01 hợp đồng;

+ Khoản vay từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, P lấy 3.500.000 đồng/01 hợp đồng;

+ Khoản vay từ dưới 10.000.000 đồng, P lấy 3.000.000 đồng/01 hợp đồng.

- Từ đầu tháng 01 năm 2022 đến hết tháng 4 năm 2022:

+ Khoản vay trên 20.000.000 đồng, P lấy 5.000.000 đồng/01 hợp đồng;

+ Khoản vay 15.000.000 đến 20.000.000 đồng, P lấy 4.000.000 đồng/01 hợp đồng;

+ Khoản vay 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, P lấy 3.000.000 đồng/01 hợp đồng.

Sau khi thỏa thuận, theo cách thức tìm kiếm khách hàng như đã từng thực hiện, Đ tiếp tục tìm kiếm khách hàng, lấy thông tin của họ gửi cho P để gửi cho nhóm người gồm: Nguyễn Thị Hoài T3, Nguyễn Dương Đ2, Lê Dương Anh K2, Lâm Hoài B, Đỗ Tuyết M2 mà P đã trao đổi từ trước để họ tạo thông tin khống của khách hàng về nghề nghiệp, nơi làm việc, thu nhập, sử dụng 03 sim rác/01 hồ sơ (01 sim cho khách hàng và 02 sim cho 02 người thân của khách hàng). T3, M2 sẽ đóng giả vai đối với khách hàng có giới tính nữ và người thân khách hàng là mẹ, chị, em gái, cô hoặc dì. Đ2, K2, B sẽ đóng giả vai đối với khách hàng có giới tính nam và người thân khách hàng là cha, anh, em trai, chú, bác hoặc cậu để trả lời những câu hỏi do Công ty T7 gọi để thẩm định. Tiếp theo, các thông tin này được P hoặc nhóm này chuyển cho nhân viên Công ty T7 gồm: Huỳnh Thanh N, Trần Thanh K1, Lâm Nguyễn N1, Nguyễn Trúc P2, Nguyễn Thị Tuyết T2, Đoàn Khánh T1 (nhân viên HD SaiSon) và Mai Linh P1 (nhân viên Mirae A) đang trực rải rác tại các cửa hàng do P2 đã chọn trước và mượn mã Code gồm: Vũ Apple, Lê V2, Z, KP S, Minh H3 để tiếp nhận và soạn hợp đồng vay vốn mua sản phẩm trả góp dựa trên thông tin mà P2 hoặc nhóm T3, Đ2, K2, B, M2 gửi, kết hợp với việc các chủ cửa hàng ký tên, đóng dấu xác nhận vào giấy có thu tiền trả trước cũng như giao sản phẩm cho khách hàng giao cho các nhân viên Công ty T7 thì hoàn thành thủ tục và đăng tải lên hệ thống dữ liệu Công ty tài chính chờ duyệt. Hợp đồng được duyệt, thì Đ dẫn khách hàng đến cửa hàng để ký tên. Chủ cửa hàng khi nhận tiền giải ngân hoặc có khi ứng trước tiền giải ngân để chuyển cho P2 và được hưởng từ 300.000 đồng đến 700.000 đồng/01 hợp đồng được duyệt. Riêng, mỗi nhân viên Công ty T7 sẽ được hưởng 400.000 đồng/01 hợp đồng được duyệt và mỗi cá nhân đóng giả vai để trả lời thẩm định được hưởng 200.000 đồng/01 hợp đồng được duyệt.

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 10 năm 2021 đến cuối tháng 4 năm 2022, Đ và P2 đã cùng nhau thực hiện được tổng số 209 hợp đồng được duyệt là 209. Trong đó, có 200 hợp đồng của Công ty T7 với tổng số tiền giải ngân là 3.363.830.000 đồng (có 01 hợp đồng do Đ trực tiếp ký vay) và 09 hợp đồng của Công ty T7 với tổng số tiền giải ngân là 130.519.000 đồng. Đối với số tiền được giải ngân thì Đ và P2 đã thực hiện chia nhau, trả thù lao cho khách hàng, trả thù lao cho nhóm đóng giả vai khi trả lời thẩm định, nhóm nhân viên công ty T7 đã soạn thảo hợp đồng, các chủ cửa hàng bán sản phẩm điện tử, số còn lại thì bỏ mặc để chiếm đoạt, cụ thể:

- Đức chia, trả thù lao, góp gốc và lãi cho 02 Công ty tài chính tổng số tiền 1.366.512.631 đồng, cụ thể như sau:

+ Chia cho P2 theo thỏa thuận với tổng số tiền 800.400.000 đồng (Trong đó: 770.400.000 đồng/200 hợp đồng của HD SaiSon và 30.000.000 đồng/09 hợp đồng của Mirae A);

+ Trả cho khách hàng tổng số tiền 114.400.000 đồng (đã thu hồi 88.530.000 đồng, trong đó có 7.710.000 đồng tiền môi giới);

+ Góp gốc và lãi cho 02 Công ty tài chính tổng số tiền 513.683.039 đồng (Trong đó, Đ góp 451.712.631 đồng; khách hàng góp 61.970.408 đồng).

- Với tổng số tiền được chia là 800.400.000 đồng thì P2 dùng trả thù lao, góp gốc và lãi cho Công ty T7 tổng số tiền 301.236.406 đồng, cụ thể như sau:

+ Chia cho nhóm nhân viên Công ty T7 tổng số tiền 60.400.000 đồng/151 hợp đồng, gồm: Trần Thanh K1 39.200.000 đồng/98 hợp đồng, Huỳnh Thanh N 12.400.000 đồng/31 hợp đồng, Nguyễn Thị Tuyết T2 1.600.000 đồng/04 hợp đồng, Nguyễn Trúc P2 1.200.000 đồng/03 hợp đồng, Đoàn Khánh T1 6.000.000 đồng/15 hợp đồng (hiện K1, N, T2, P2 đã nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi; Thư chưa nộp). Ngoài ra, các nhân viên soạn thảo hợp đồng đều được duyệt nhưng không hưởng lợi gồm: Lâm Nguyễn N1 46 hợp đồng, Lâm Hoài B 01 hợp đồng, Trần Minh T6 01 hợp đồng, Trần Mộng C3 01 hợp đồng và M5 09 hợp đồng (Trong đó, N1 là em gái và P1 là bạn gái của P2).

+ Chia nhóm đóng giả vai trả lời thẩm định tổng số tiền 116.400.000 đồng/582 lượt nghe, gồm: Nguyễn Dương Đ2 33.800.000 đồng/169 lượt nghe, Lê Dương Anh K2 24.000.000 đồng/120 lượt nghe, Nguyễn Thị Hoài T3 30.000.000 đồng/150 lượt nghe, Lâm Hoài B 14.600.000 đồng/73 lượt nghe, Đỗ Tuyết M2 14.000.000 đồng/70 lượt nghe (hiện Đ2, K2 đã nộp toàn bộ số tiền hưởng lợi; T3, B, M2 chưa nộp);

+ Chia cho 04 Chủ cửa hàng bán sản phẩm điện tử Vũ A1, Lê V2, Z, KP S tổng số tiền 113.830.000 đồng/191 hợp đồng, gồm: Kim Hoàng V 43.960.000 đồng/71 hợp đồng, Lê Hà G 28.570.000 đồng/48 hợp đồng, Võ Văn T4 36.600.000 đồng/61 hợp đồng, Dương Quốc K3 4.700.000 đồng/11 hợp đồng (hiện V, G, T4, K3 đã nộp toàn bộ số tiền hưởng lợi. Riêng, có 02 hợp đồng của cửa hàng V3 do Mai Khánh P3 làm chủ thì P3 không hưởng lợi và 16 hợp đồng do Lâm Nguyễn N1 làm tại cửa hàng P5 thì cả N1 và cửa hàng đều không hưởng lợi).

+ Góp gốc và lãi cho HD SaiSon tổng số tiền 106.061.406 đồng.

Đến ngày 04 tháng 6 năm 2022, Trương Quang Anh Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N, thành phố Cần Thơ để đầu thú. Quá trình điều tra, Đ thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi gian dối để một mình chiếm đoạt tài sản và cùng với P2 chiếm đoạt tài sản của các Công ty tài chính, có tác động gia đình nộp tiền để khắc phục hậu quả cho các bị hại với số tiền 10.000.000 đồng. Thời gian đầu Đ còn thực hiện góp gốc và lãi cho các Công ty tài chính nhưng khi góp được vài kỳ thì bỏ mặc không góp mà tiếp tục ra sức tìm kiếm khách hàng để thực hiện càng nhiều hợp đồng nhằm để chiếm đoạt tài

sản của các công ty tài chính ngày càng nhiều hơn là thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trần Nguyễn Duy P thành khẩn khai báo, thừa nhận vì mục đích lợi nhuận nên giúp sức tạo điều kiện thuận lợi cho Đ, để các khách hàng do Đ tìm kiếm và đưa thông tin cá nhân của họ cho P, P đã gian dối bằng cách tạo thêm thông tin khách hàng và giao cho các cá nhân đóng giả vai khách hàng và người thân khách hàng trả lời tham chiếu của công ty tài chính, khi mua sản phẩm không cần trả tiền trước, không nhận sản phẩm mà hợp đồng vẫn được duyệt để chiếm đoạt số tiền giải ngân và chia nhau tiêu xài. P có tác động gia đình nộp số tiền 520.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho các bị hại. P thực hiện hành vi gian dối để nhiều khách hàng ký và được duyệt hợp đồng để cùng Đ chiếm đoạt tài sản của các công ty tài chính là thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự. Việc P cùng Đ thực hiện chiếm đoạt tài sản của các công ty tài chính thì P không nói cho các nhân viên công ty T7, các cá nhân đóng giả vai khách hàng và người thân khách hàng cũng như các chủ cửa hàng biết.

**** Các đồ vật, tài liệu thu giữ trong quá trình bắt, khám xét đối với Trương Quang Anh Đ và Trần Nguyễn Duy P:***

- *Thu giữ của Đ*: 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Pro max, dung lượng 64GB, gắn 1 sim số điện thoại 0779.089.678 và 01 e sim số điện thoại 0787.785.252.

- *Thu giữ của P*:

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone 13 Pro max, dung lượng 512GB, gắn sim số 0939.834.874, 0789.676.777 có 01 số là e sim;

+ 01 (một) sim số 0909.834.465;

+ 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng V4 tên M5;

+ 01 (một) bóp da màu đen;

+ Tiền Việt Nam: 9.000.000 đồng;

+ 01 (một) đồng hồ hiệu ROLEX;

+ 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu Honda Vario, biển số 65B2-085.86;

+ 01 (một) nhẫn kim loại màu trắng có đính hột đá (được Công ty V5 xác định là vàng 18K, có trọng lượng 3,5 chỉ, có đính hột đá là kim cương, cụ thể: 30 (ba mươi) viên 1,5 ly; 18 (mười tám) viên 1,9 ly và 21 (hai mươi mốt) viên 02 ly.

- Đối với các sản phẩm điện tử Đ lấy được từ khách hàng thì đã đem bán cho nhiều Cửa hàng điện thoại di động trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Do thời gian đã lâu, Đ không còn xác định rõ đặc điểm sản phẩm nên không xác minh thu hồi được.

- Đối với việc yêu cầu bồi thường thiệt hại thì các Công ty T7 (là bị hại trong vụ án) yêu cầu cụ thể như sau:

+ Công ty T7 yêu cầu bồi thường khoản nợ gốc còn lại bị chiếm đoạt 1.076.252.227 đồng;

+ Công ty T7 yêu cầu bồi thường 3.194.704.969 đồng (trong đó có 3.022.852.991 đồng tiền gốc, lãi theo hợp đồng là 143.108.170, phí phạt là 28.743.808 đồng);

+ Công ty T7 yêu cầu bồi thường khoản nợ gốc còn lại bị chiếm đoạt 242.458.489 đồng;

+ Công ty T7 yêu cầu bồi thường khoản nợ gốc bị chiếm đoạt 280.724.708 đồng.

- Đối với việc nộp tiền để bồi thường thiệt hại và tiền thu hồi do thu lợi bất chính có được, tổng số tiền 963.010.000 đồng, bao gồm:

+ Bà Vũ Thị L là mẹ ruột của Trương Quang Anh Đ nộp số tiền 10.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Tuyết M1 ruột của Trần Nguyễn Duy P nộp số tiền 520.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho các bị hại.

+ Thu hồi 54.400.000 đồng do các nhân viên Công ty T7 giao nộp, gồm: Trần Thanh K1 39.200.000 đồng, Huỳnh Thanh N 12.400.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết T2 1.600.000 đồng, Nguyễn Trúc P2 1.200.000 đồng.

+ Thu hồi 57.800.000 đồng do các cá nhân giả vai trả lời thẩm định giao nộp, gồm: Nguyễn Dương Đ2 33.800.000 đồng, Lê Dương Anh K2 24.000.000 đồng.

+ Thu hồi 148.930.000 đồng do 05 Chủ cửa hàng bán sản phẩm điện tử giao nộp, gồm: Kim Hoàng V 43.960.000 đồng, Lê Hà G 28.570.000 đồng, Võ Văn T4 36.600.000 đồng, Dương Quốc K3 4.700.000 đồng và Dương Phú V1 35.100.000 đồng.

+ Thu hồi 171.880.000 đồng do các khách hàng giao nộp (trong đó có 1.600.000 đồng do các khách hàng giao nộp nhưng hợp đồng không được duyệt).

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKSCT-P1 ngày 24/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã truy tố các bị cáo Trương Quang Anh Đ và Trần Nguyễn Duy P về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, yêu cầu làm rõ những vấn đề sau: Làm rõ hành vi của nhóm nhân viên Công ty T7 gồm Trần Thanh K1, Huỳnh Thanh N, Nguyễn Thị Tuyết T2, Nguyễn Trúc P2, Đoàn Khánh T1, Lâm Nguyễn N1, Mai Linh P1 và Đồng Trọng P4; hành vi của nhóm hỗ trợ tham chiếu gồm Nguyễn Dương Đ2, Lê Dương Anh K2, Nguyễn Thị Hoài T3, Lâm Hoài B và Đỗ Thị Tuyết M2; hành vi của nhóm chủ cửa hàng gồm Kim Hoàng V, Lê Hà G, Võ Văn T4, Dương Quốc K3 trong việc tạo điều kiện giúp đỡ cho các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và làm rõ số tiền mà từng bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại và số tiền thu lợi bất chính để làm căn cứ xử lý theo quy định.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, yêu cầu làm rõ những vấn đề sau: Xem xét lại

tư cách những người tham gia ký kết để vay tiền trả góp; Thống kê làm rõ số tiền đã trả cho bị hại sau khi kết thúc điều tra; Xem xét lại định lượng truy tố.

Ngày 06 tháng 11 năm 2023 và ngày 29/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ có văn bản về kết quả điều tra bổ sung vụ án Trương Quang Anh Đ cùng đồng phạm, theo đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung Cáo trạng số 16/CT-VKSCT-P1 ngày 24/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HS-ST ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Trương Quang Anh Đ** và **Trần Nguyễn Duy P** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Trương Quang Anh Đ 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/6/2022.

2. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Duy P 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 423, 584, 585, 586 và 587 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.1 Buộc bị cáo Trương Quang Anh Đ bồi thường cho Công ty T7 số tiền 1.043.477.901 đồng.

3.2 Buộc bị cáo Trương Quang Anh Đ bồi thường cho Công ty T7 số tiền 280.724.708 đồng.

3.3 Buộc bị cáo Trương Quang Anh Đ bồi thường cho Công ty T7 số tiền 141.915.146 đồng.

3.4 Buộc bị cáo Trương Quang Đ và bị cáo Nguyễn Duy P liên đới bồi thường cho Công ty T7 số tiền là 3.002.852.911 đồng.

Trong đó:

Buộc Bị cáo Trương Quang Anh Đ bồi thường cho Công ty T7 số tiền 2.252.452.911đồng.

Buộc bị cáo Trần Nguyễn Duy P bồi thường cho Công ty T7 số tiền 770.400.000 đồng.

3.5 Buộc bị cáo Trương Quang Anh Đ bồi thường cho Công ty T7 số tiền 141.915.146 đồng.

3.6 Buộc bị cáo Trương Quang Đ và bị cáo Nguyễn Duy P liên đới bồi thường Công ty T7 số tiền 100.543.434 đồng.

Trong đó:

Buộc bị cáo Trương Quang Anh Đ bồi thường cho Công ty T7 số tiền 70.543.434 đồng .

Buộc bị cáo Trần Nguyễn Duy P bồi thường cho Công ty T7 số tiền 30.000.000đồng.

Buộc Nguyễn Thị Hoài T3 trả cho bị cáo Trần Nguyễn Duy P 30.000.000 đồng.

Buộc Lâm Hoài B trả cho bị cáo Trần Nguyễn Duy P 14.600.000 đồng.

Buộc Đỗ Thị Tuyết M2 trả cho bị cáo Trần Nguyễn Duy P 14.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu người có nghĩa vụ chưa thi hành xong nghĩa vụ của mình thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và phần nghĩa vụ chưa thi hành.

Hủy tất cả các hợp đồng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã ký với Công ty T7, Công ty T7, Công ty T7, Công ty T7 (có kèm theo danh sách hợp đồng).

Đối với số tiền 972.010.000 đồng cơ quan thi hành án đang giữ:

(Đây là số tiền các bị hại được nhận để khấu trừ vào nghĩa vụ thi hành án của các bị cáo)

+ Công ty T7 được nhận số tiền 35.950.000 đồng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp và 2.500.000 đồng do gia đình bị cáo Đ nộp khắc phục hậu quả. Tổng số tiền được nhận: 38.450.000 đồng.

+ Công ty T7 được nhận số tiền 36.750.000 đồng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp và 2.500.000 đồng do gia đình bị cáo Đ nộp khắc phục hậu quả. Tổng số tiền được nhận: 39.250.000đồng.

+ Công ty T7 Trách nhiệm hữu hiện HD SaiSon được nhận số tiền 311.560.000 đồng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp và 2.500.000 đồng do gia đình bị cáo Đ nộp khắc phục hậu quả và nhận 490.000.000 đồng gia đình bị cáo P nộp khắc phục hậu quả và 9.000.000 đồng của bị cáo P. Tổng số tiền được nhận: 813.060.000 đồng.

+ Công ty T7 được nhận số tiền 44.400.000đồng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp và 2.500.000 đồng do gia đình bị cáo Đ nộp khắc phục hậu quả, nhận 30.000.0000 đồng do gia đình bị cáo P nộp khắc phục hậu quả. Tổng số tiền được nhận: 76.900.000 đồng.

Giao cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố số tiền 4.350.000 đồng tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Tách yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nhóm khách hàng) đã tất toán nợ và thanh toán một phần nợ cho các Công ty Tài chính được quyền khởi kiện dân sự đối với bị cáo.

Bị cáo Đ và bị cáo P có quyền khởi kiện dân sự đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa nộp lại số tiền đa nhận từ 02 bị cáo.

Kiến nghị các bị hại trong vụ án xem xét trình cơ quan có thẩm quyền xem xét xóa nợ xấu cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

4. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- Một điện thoại di động Iphone 11 Pro max dung lượng 64GB.

- Một điện thoại di động Iphone 13 Pro max dung lượng 512GB.

- Tịch thu tiêu hủy các sim số 0779089678; 0787785252; 0939834874; 078967677; 01 bóp da màu đen.

- Trả lại cho M5 Phụng một thẻ ATM Ngân hàng V4.

- Trả lại cho bị cáo Trần Nguyễn Duy P, một đồng hồ hiệu ROLEX, một xe gắn máy nhãn hiệu Honda Vario biển số 65B2-085.86, một nhẫn kim loại màu trắng có đính hột đá (được Công ty V5 xác định là vàng 18K, có trọng lượng 3,5 chỉ, có đính hột đá là kim cương, cụ thể: 30 (ba mươi) viên 1,5 ly; 18 (mười tám) viên 1,9 ly và 21 (hai mươi mốt) viên 02 ly và số tiền 9.000.000 Việt Nam đồng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09 tháng 8 năm 2023)

Các bị hại Công ty T7 Trách nhiệm hữu hiện HD SaiSon; Công ty T7; Công ty T7 và Công ty T7 được liên hệ với Cơ quan Thi hành án nhận số tiền đã nộp khắc phục.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/5/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định Kháng nghị phúc thẩm số 11/QĐ/VC3-V1 để nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Trương Quang Anh Đ và Trần Nguyễn Duy P thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, đồng thời không đồng ý kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị vì các bị cáo không có phân công, sắp xếp gì trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Đồng thời, các bị cáo trình bày mặc dù không kháng cáo nhưng xin Hội đồng xét xử nếu có căn cứ thì giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Quang Anh Đ, Luật sư Lý Mỹ Ý phát biểu ý kiến: Bị cáo Đ quen biết những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thông qua bị cáo P, Đ không phân công, không trả tiền cho những người này nên không có căn cứ xác định bị cáo phạm tội có tổ chức. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Nguyễn Duy P, Luật sư Nguyễn Văn L1 phát biểu ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo P 10 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo. Bị cáo không phân công, sắp xếp gì trong việc phạm tội. Cấp sơ thẩm buộc người liên quan trả tiền cho bị cáo P là phù hợp vì bị cáo đã nộp lại tiền thay những người này. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, nđồng thời, xem xét nếu có căn cứ thì giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho bị cáo P.

Đại diện hợp pháp của các bị hại thống nhất yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng nghị thống nhất không đồng ý với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm vì không biết việc các bị cáo lừa đảo, chiếm đoạt tiền của bị hại mà chỉ muốn giúp các bị cáo được duyệt mua hàng trả góp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội có tổ chức" đối với các bị cáo; có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với 03 nhóm người có hành vi giúp sức là nhóm nhân viên Công ty T7 gồm Trần Thanh K1, Huỳnh Thanh N, Nguyễn Thị Tuyết T2, Nguyễn Trúc P2, Đoàn Khánh T1, Lâm Nguyễn N1, M5; nhóm hỗ trợ tham chiếu (đóng giả khách hàng và người thân khách hàng nghe điện thoại trả lời thẩm định) gồm Nguyễn Dương Đ2, Lê Dương Anh K2, Nguyễn Thị Hoài T3, Lâm Hoài B và Đỗ Thị Tuyết M2; nhóm chủ cửa hàng gồm Kim Hoàng V, Lê Hà G, Võ Văn T4, Dương Quốc K3; đồng thời giải quyết buộc người liên quan là các ông, bà M2, T3, B hoàn trả lại cho bị cáo P2 số tiền do phạm tội mà có, là thiếu sót, không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trương Quang Anh Đ và Trần Nguyễn Duy P đã thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như bản án sơ thẩm đã nêu; qua lời khai nhận của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

[1.1] Trương Quang Anh Đ và Trần Nguyễn Duy P biết rõ quy trình mua hàng thông qua hình thức ký kết hợp đồng vay trả góp của các Công ty T7 được thực hiện với trình tự thủ tục đơn giản khi khách hàng chỉ cần cung cấp thông tin cá nhân và số điện thoại để tham chiếu mà không cần xác minh thực tế.

[1.2] Lợi dụng sơ hở đó, Đ tiếp cận đến nhiều người là học sinh, sinh viên và người lao động tự do trên địa bàn thành phố Cần Thơ để những người này đóng giả làm khách hàng đang có nhu cầu mua hàng trả góp nhằm mục đích tạo niềm tin cho các Công ty Tài chính tin tưởng những khách hàng này đang cần mua hàng trả góp thật để ký kết hợp đồng vay. Sau khi được các Công ty Tài chính giải ngân và nhận sản phẩm, những người này sẽ giao lại cho Đ để nhận thù lao 400.000 đồng/01 hồ sơ vay, trường hợp giới thiệu thêm bạn bè, người thân sẽ được trả thêm từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng/01 hồ sơ. Đối với sản phẩm nhận được, Đ đem bán lại cho các cửa hàng lấy tiền trả thù lao cho các khách hàng, góp một phần gốc và lãi để tránh bị phát hiện, số tiền còn lại thì chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Với thủ đoạn trên, từ tháng 01/2021 đến tháng 7/2021, Đ đã được các Công ty Tài chính duyệt 154 hồ sơ mua trả góp với tổng số tiền đã giải ngân là 2.957.682.400 đồng (trong đó FE Credit duyệt 90 hồ sơ, Mirae Asset duyệt 35 hồ sơ và Home C2 duyệt 29 hồ sơ).

[1.3] Từ đầu tháng 10/2021, Đ thỏa thuận hợp tác cùng P. Theo đó Đ tiếp tục tìm kiếm người đóng giả khách hàng cần vay mua hàng trả góp còn P chịu trách nhiệm tạo thông tin giả về điều kiện của người vay, cho người đóng giả là người thân của người vay để trả lời tham chiếu khi Công ty T7 kiểm tra xác minh. Ngoài ra, P còn phụ trách liên hệ với nhân viên Công ty T7 và các chủ cửa hàng có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với các Công ty Tài chính để tạo điều kiện thuận lợi cho việc được chấp thuận giải ngân. Số tiền giải ngân được chia theo tỷ lệ như sau:

- Từ tháng 10/2021 đến cuối tháng 12/2021, đối với khoản vay trên 20.000.000 đồng thì P lấy 6.000.000 đồng/01 hợp đồng; đối với khoản vay từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng thì P lấy 4.800.000 đồng/01 hợp đồng; đối với khoản vay từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng thì P lấy 3.500.000 đồng/01 hợp đồng; khoản vay từ dưới 10.000.000 đồng thì P lấy 3.000.000 đồng/01 hợp đồng.

- Từ đầu tháng 01/2022 đến hết tháng 4/2022, đối với khoản vay trên 20.000.000 đồng thì P lấy 5.000.000 đồng/01 hợp đồng; đối với khoản vay từ

15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng thì P lấy 4.500.000 đồng/01 hợp đồng; đối với khoản vay từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng thì P lấy 3.000.000 đồng/01 hợp đồng.

Số tiền nhận được, Đ dùng để trả thù lao cho khách hàng, góp một phần gốc và lãi để tránh bị phát hiện, số tiền còn lại thì chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. P dùng một phần để trả thù lao cho nhóm nhân viên đóng giả nghe điện thoại, nhóm nhân viên Công ty T7 và các chủ cửa hàng, góp một phần gốc và lãi cho Công ty T7, số tiền còn lại thì chiếm đoạt.

Quá trình thực hiện, Đ và P đã được các Công ty Tài chính duyệt 209 hồ sơ mua trả góp với tổng số tiền đã giải ngân là 3.494.349.900 đồng (trong đó HD SaiSon duyệt 200 hồ sơ, Mirae A duyệt 09 hồ sơ).

[1.4] Bị cáo P đóng giữ vai trò là mắt xích quan trọng trong vụ án khi là người trực tiếp chỉ đạo, phân công nhiệm vụ và thanh toán thù lao đối với nhóm nhân viên thực hiện công việc đóng giả nghe điện thoại, nhóm nhân viên Công ty T7 và các chủ cửa hàng. Việc bị cáo biết rõ toàn bộ quá trình và tích cực giúp sức cho hành vi gian dối của bị cáo Đ cũng như việc bị cáo bỏ mặc hậu quả có thể xảy ra chứng tỏ bị cáo đã thống nhất về mặt ý chí với hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo Đ nên bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm với Đ với vai trò đồng phạm.

[1.5] Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trương Quang Anh Đ, Trần Nguyễn Duy P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.1] Trong vụ án này, ngoài bị cáo Đ và P, còn có sự tham gia giúp sức của nhóm nhân viên Công ty T7 gồm Trần Thanh K1, Huỳnh Thanh N, Nguyễn Thị Tuyết T2, Nguyễn Trúc P2, Đoàn Khánh T1, Lâm Nguyễn N1, M5; hành vi của nhóm hỗ trợ tham chiếu (đóng giả khách hàng và người thân khách hàng nghe điện thoại trả lời thẩm định) gồm Nguyễn Dương Đ2, Lê Dương Anh K2, Nguyễn Thị Hoài T3, Lâm Hoài B và Đỗ Thị Tuyết M2; hành vi của nhóm chủ cửa hàng gồm Kim Hoàng V, Lê Hà G, Võ Văn T4, Dương Quốc K3. Cụ thể:

Sau khi thỏa thuận, theo cách thức tìm kiếm khách hàng như đã từng thực hiện, Đ tiếp tục tìm kiếm khách hàng, lấy thông tin của họ gửi cho P2 để gửi cho nhóm người gồm: Nguyễn Thị Hoài T3, Nguyễn Dương Đ2, Lê Dương Anh K2, Lâm Hoài B, Đỗ Tuyết M2 mà P2 đã trao đổi từ trước để họ tạo thông tin khống của khách hàng về nghề nghiệp, nơi làm việc, thu nhập, sử dụng 03 sim rác/01 hồ sơ (01 sim cho khách hàng và 02 sim cho 02 người thân của khách hàng). T3, M2 sẽ đóng giả vai đối với khách hàng có giới tính nữ và người thân khách hàng là mẹ, chị, em gái, cô hoặc dì. Đ2, K2, B sẽ đóng giả vai đối với khách hàng có

giới tính nam và người thân khách hàng là cha, anh, em trai, chú, bác hoặc cậu để trả lời những câu hỏi do Công ty T7 gọi để thẩm định. Tiếp theo, các thông tin này được P2 hoặc nhóm này chuyển cho nhân viên Công ty T7 gồm: Huỳnh Thanh N, Trần Thanh K1, Lâm Nguyễn N1, Nguyễn Trúc P2, Nguyễn Thị Tuyết T2, Đoàn Khánh T1 (nhân viên HD SaiSon) và Mai Linh P1 (nhân viên Mirae A) đang trực rải rác tại các cửa hàng do P2 đã chọn trước và mượn mã Code gồm: Vũ Apple, Lê V2, Z, KP S, Minh H3 để tiếp nhận và soạn hợp đồng vay vốn mua sản phẩm trả góp dựa trên thông tin mà P2 hoặc nhóm T3, Đ2, K2, B, M2 gửi, kết hợp với việc các chủ cửa hàng ký tên, đóng dấu xác nhận vào giấy có thu tiền trả trước cũng như giao sản phẩm cho khách hàng giao cho các nhân viên Công ty T7 thì hoàn thành thủ tục và đăng tải lên hệ thống dữ liệu Công ty tài chính chờ duyệt. Hợp đồng được duyệt, thì Đ dẫn khách hàng đến cửa hàng để ký tên. Chủ cửa hàng khi nhận tiền giải ngân hoặc có khi ứng trước tiền giải ngân để chuyển cho P2 và được hưởng từ 300.000 đồng đến 700.000 đồng/01 hợp đồng được duyệt. Riêng, mỗi nhân viên Công ty T7 sẽ được hưởng 400.000 đồng/01 hợp đồng được duyệt và mỗi cá nhân đóng giả vai để trả lời thẩm định được hưởng 200.000 đồng/01 hợp đồng được duyệt.

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 10 năm 2021 đến cuối tháng 4 năm 2022, Đ và P2 đã cùng nhau thực hiện được tổng số 209 hợp đồng được duyệt là 209. Trong đó, có 200 hợp đồng của Công ty T7 với tổng số tiền giải ngân là 3.363.830.000 đồng (có 01 hợp đồng do Đ trực tiếp ký vay) và 09 hợp đồng của Công ty T7 với tổng số tiền giải ngân là 130.519.000 đồng. Đối với số tiền được giải ngân thì Đ và P2 đã thực hiện chia nhau, trả thù lao cho khách hàng, trả thù lao cho nhóm đóng giả vai khi trả lời thẩm định, nhóm nhân viên công ty T7 đã soạn thảo hợp đồng, các chủ cửa hàng bán sản phẩm điện tử, số còn lại thì bỏ mặc để chiếm đoạt. Quá trình điều tra xác định số tiền chia cụ thể như sau:

+ Nhóm nhân viên Công ty T7 (tổng số tiền 60.400.000 đồng/151 hợp đồng), gồm:

1/ Trần Thanh K1 được chia 39.200.000 đồng/98 hợp đồng;

2/ Huỳnh Thanh N được chia 12.400.000 đồng/31 hợp đồng;

3/ Nguyễn Thị Tuyết T2 được chia 1.600.000 đồng/04 hợp đồng;

4/ Nguyễn Trúc P2 được chia 1.200.000 đồng/03 hợp đồng;

5/ Đoàn Khánh T1 được chia 6.000.000 đồng/15 hợp đồng.

+ Nhóm đóng giả vai trả lời thẩm định (tổng số tiền 116.400.000 đồng/582 lượt nghe), gồm:

1/ Nguyễn Dương Đ2 được chia 33.800.000 đồng/169 lượt nghe;

2/ Lê Dương Anh K2 được chia 24.000.000 đồng/120 lượt nghe,;

3/ Nguyễn Thị Hoài T3 được chia 30.000.000 đồng/150 lượt nghe;

4/ Lâm Hoài B được chia 14.600.000 đồng/73 lượt nghe;

5/ Đỗ Tuyết M2 được chia 14.000.000 đồng/70 lượt nghe.

+ Nhóm các đối tượng là chủ cửa hàng bán sản phẩm điện tử Vũ A1, Lê V2, Z, KP S (tổng số tiền 113.830.000 đồng/191 hợp đồng), gồm:

1/ Kim Hoàng V được chia 43.960.000 đồng/71 hợp đồng;

2/ Lê Hà G được chia 28.570.000 đồng/48 hợp đồng;

3/ Võ Văn T4 được chia 36.600.000 đồng/61 hợp đồng;

4/ Dương Quốc K3 được chia 4.700.000 đồng/11 hợp đồng.

[2.2] Các đối tượng nêu trên đã thực hiện hành vi gian dối, giúp sức tích cực cho các bị cáo trong việc chiếm đoạt tài sản của bị hại. Nếu không có sự tham gia giúp sức của các đối tượng này thì hợp đồng sẽ không được duyệt, các bị cáo không thể chiếm đoạt được tiền của các công ty tài chính. Do đó, ba nhóm đối tượng trên là mắc xích quan trọng trong vụ án, hành vi của họ mang tính chất quyết định đến việc bị cáo có chiếm đoạt được tài sản hay không. Quá trình điều tra, các đối tượng trên đều khai nhận bản thân nhận được hành vi của mình không đúng pháp luật, không đúng quy trình mua hàng trả góp, biết thực tế không có việc ký hợp đồng vay để mua hàng trả góp mà thực chất là vay để bị cáo P2, Đ lấy tiền mặt và không nhận hàng, nhưng vì vụ lợi mà các đối tượng này đã nhiều lần thực hiện hành vi giúp sức như nêu trên, bỏ mặc và chấp nhận hậu quả xảy ra. Do đó, hành vi của 03 nhóm đối tượng nêu trên có dấu hiệu đồng phạm với các bị cáo Đ, P2 về hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Cấp sơ thẩm nhận định cho rằng quá trình điều tra, các đối tượng trên không biết việc bị cáo Đ và P2 cấu kết với nhau nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại; đồng thời, hầu hết đã nộp lại số tiền đã được hưởng lợi, riêng nhóm chủ cửa hàng điện thoại đều đồng ý bồi thường cho Công ty T7 theo nội dung hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết nên chưa đủ căn cứ xác định các đối tượng trên có đồng phạm với Đ và P2, là chưa đủ cơ sở vì như phân tích trên các đối tượng này nhận thức được hành vi giúp sức của mình và chấp nhận hậu quả xảy ra, tội phạm đã hoàn thành từ thời điểm các bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại, việc hoàn trả số tiền hưởng lợi chỉ là khắc phục hậu quả. Cấp sơ thẩm không tiến hành điều tra, giải quyết theo quy định của pháp luật đối với ba nhóm đối tượng trên là có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội và giải quyết vụ án chưa triệt để.

[2.3] Về hình phạt, bị cáo Đ chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và có 01 tình tiết tặng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. bị cáo phạm tội với số tiền chiếm đoạt rất lớn, gấp nhiều lần số tiền định khung hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự, bị cáo là người chủ mưu, lôi kéo nhiều người tham gia giúp sức, thể hiện thái độ xem thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, thuộc trường hợp cần phải nghiêm trị nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo 15 năm tù là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra.

Đối với bị cáo P2, Tòa án cấp sơ thẩm xác định 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo 10 năm tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Tuy nhiên, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, bị cáo phạm tội với vai trò rất tích cực, số tiền chiếm đoạt rất lớn, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để hạ khung hình phạt đối với bị cáo là chưa đúng quy định.

Ngoài ra, đây là vụ án đồng phạm, nhiều người tham gia, cùng nhau thực hiện tội phạm nhiều lần theo một kế hoạch đã được bị cáo Đ và P2 vạch ra cụ thể từ trước, có sự phân công công việc, vai trò cụ thể, rõ ràng, trong đó mỗi người thực hiện một hoặc một số hành vi và chịu sự điều khiển của các bị cáo Đ, P2. Như vậy, giữa những người phạm tội có sự câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết này khi lượng hình đối với các bị cáo là thiếu sót.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi chiếm đoạt được tiền của những người bị hại, bị cáo P2 đã trả thù lao cho Nguyễn Thị Hoài T3, Lâm Hoài B và Đỗ Thị Tuyết M2 (Đỗ Tuyết M2) tổng cộng 58.600.000 đồng. Như vậy, đây là tiền tang vật của vụ án cần phải thu hồi để hoàn trả cho các bị hại. Tuy nhiên, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc 3 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Hoài T3, Lâm Hoài B và Đỗ Thị Tuyết M2 (Đỗ Tuyết M2) hoàn trả số tiền trên cho bị cáo Trần Nguyễn Duy P là không chính xác.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, cấp sơ thẩm có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội và áp dụng chưa đúng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đánh giá chưa đúng tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nên chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ điều tra lại như đề nghị của đại

diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Trương Quang Anh Đ, Trần Nguyễn Duy P không phải chịu theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

[1] Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2024/HS-ST ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ điều tra lại.

Tiếp tục giam các bị cáo Trương Quang Anh Đ và Trần Nguyễn Duy P để điều tra lại.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Trương Quang Anh Đ, Trần Nguyễn Duy P không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND thành phố Cần Thơ; (3)
- VKSND thành phố Cần Thơ; (1)
- Công an thành phố Cần Thơ; (1)
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ; (1)
- Cục THA DS thành phố Cần Thơ; (1)
- Trại tạm giam Công an thành phố Cần Thơ; (1)
- Bị cáo; (2)
- Bị hại; (4)
- NLQ; (16)
- Lưu (5) (PPC).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Nhựt Bình